

Số: 13/2013/TT-BXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước và các thiết kế khác triển khai ngay sau thiết kế cơ sở được quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 15/2013/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; chủ đầu tư xây dựng công trình; các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng được Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn về xây dựng), bao gồm:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng ở Trung ương: là các cơ quan thuộc Bộ Xây dựng, các Bộ có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là các Sở: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế, bao gồm: Cơ quan chuyên môn về xây dựng, các tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hình thức thẩm tra, nội dung thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình của chủ đầu tư

1. Đối với các công trình không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP:

a) Trường hợp thiết kế một bước: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và trình người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công cùng với báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

b) Trường hợp thiết kế hai bước, thiết kế ba bước hoặc thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp thiết kế hai bước và thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở.

Trong quá trình thẩm định, khi cần thiết chủ đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện thẩm tra các nội dung phục vụ thẩm định, phê duyệt thiết kế. Nội dung thuê thẩm tra theo quy định tại Điểm c, Điểm d, Điểm đ và Điểm e Khoản 3 của Điều này.

2. Đối với các công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP: Chủ đầu tư gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước và các thiết kế khác triển khai ngay sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này trước khi thực hiện việc phê duyệt thiết kế.

3. Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng của chủ đầu tư, bao gồm:

a) Xem xét sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật, bao gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng, quy trình bảo trì công trình và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Xem xét năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế so với yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật;

c) Đánh giá sự phù hợp của thiết kế so với thiết kế cơ sở hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt (trong trường hợp thiết kế một bước), các yêu cầu của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Đánh giá sự phù hợp về quy mô, công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của công trình;

đ) Đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng;

e) Đánh giá an toàn chịu lực các kết cấu chịu lực của toàn bộ công trình;

g) Sự tuân thủ các quy định về môi trường, phòng chống cháy nổ;

h) Yêu cầu nhà thầu thiết kế giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ thiết kế trên cơ sở ý kiến thẩm tra (nếu có).

4. Phê duyệt thiết kế xây dựng công trình:

a) Việc phê duyệt các bước thiết kế xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

b) Thiết kế bản vẽ thi công phải được chủ đầu tư hoặc đại diện được ủy quyền của chủ đầu tư xác nhận bằng chữ ký và đóng dấu đã phê duyệt theo Mẫu của Phụ lục số 4 kèm theo Thông tư này vào từng tờ bản vẽ trước khi đưa ra thi công, kể cả trường hợp thiết kế một bước sau khi đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

5. Người tổ chức thẩm định, thẩm tra và phê duyệt thiết kế phải chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, phê duyệt thiết kế của mình.

Điều 4. Nội dung thẩm tra thiết kế xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Nội dung thẩm tra thiết kế xây dựng công trình đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế so với yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật: Kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát, thiết kế; kiểm tra điều kiện năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế;

b) Sự phù hợp của thiết kế với các quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình;

c) Mức độ đảm bảo an toàn chịu lực của các kết cấu chịu lực của công trình và các yêu cầu về an toàn khác, bao gồm: Sự phù hợp của giải pháp thiết kế nền - móng với đặc điểm địa chất công trình, kết cấu công trình và an toàn

đối với các công trình lân cận; sự phù hợp của giải pháp kết cấu với thiết kế công trình, với kết quả khảo sát xây dựng và với công năng của công trình.

2. Nội dung thẩm tra thiết kế đối với công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước; công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung; công trình được đầu tư theo hình thức: Xây dựng - chuyển giao (BT), xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp tác công - tư (PPP) và những công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác:

a) Bao gồm nội dung quy định tại các Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 của Điều này;

b) Sự phù hợp của thiết kế so với thiết kế cơ sở hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt (trong trường hợp thiết kế một bước);

c) Sự hợp lý của thiết kế để đảm bảo tiết kiệm chi phí trong xây dựng công trình: Kiểm tra việc áp dụng đơn giá, định mức của dự toán; đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng.

3. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân thẩm tra thiết kế theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP thì thực hiện như sau:

a) Đối với công trình quy định tại Khoản 1 của Điều này:

Trong thời gian 5 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo bằng văn bản và chuyển trả hồ sơ trình thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn các tổ chức có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật để ký hợp đồng tư vấn thẩm tra. Trong các nội dung chủ đầu tư hợp đồng tư vấn thẩm tra, phải có đủ các nội dung thẩm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này. Chủ đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để quản lý.

b) Đối với công trình quy định tại Khoản 2 của Điều này:

Trong thời gian 5 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng lựa chọn tổ chức có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật để chỉ định thẩm tra một phần hoặc toàn bộ các nội dung thẩm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư và tổ chức tư vấn để ký hợp đồng tư vấn thẩm tra. Chủ đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra với cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổng hợp.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn trực tiếp thẩm tra thiết kế có trách nhiệm tổng hợp, lập thông báo kết quả thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này và đóng dấu vào các bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra. Mẫu dấu thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này. Trong kết quả thẩm tra cần nêu rõ những nội dung chưa đạt yêu cầu cần phải sửa đổi để trình thẩm tra lại (nếu có) trước khi cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ thẩm tra đóng dấu thẩm tra vào hồ sơ để lưu trữ.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng có thông báo về kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn bằng văn bản theo quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này để chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.

Chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo kết quả thẩm tra và ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi quyết định phê duyệt thiết kế.

5. Các bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra, đóng dấu được giao lại cho chủ đầu tư và chủ đầu tư có trách nhiệm lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Chủ đầu tư có trách nhiệm đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét hồ sơ đang lưu trữ này. Chủ đầu tư nộp file bản vẽ và dự toán hoặc file bản chụp (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm tra) về cơ quan chuyên môn về xây dựng để quản lý.

6. Trong trường hợp cần thiết, người phê duyệt thiết kế đề xuất với cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm tra thêm các nội dung khác ngoài các nội dung cần thẩm tra đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này.

7. Tổ chức, cá nhân thẩm tra thiết kế có nhu cầu được đăng tải, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng thì phải lập hồ sơ kê khai năng lực theo quy định của pháp luật đăng ký với Sở Xây dựng và Bộ Xây dựng để tích hợp, công bố.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế xây dựng công trình của các cơ quan chuyên môn về xây dựng

Các cơ quan chuyên môn về xây dựng sau đây trực tiếp nhận hồ sơ thẩm tra, tổ chức thẩm tra thiết kế hoặc tiếp nhận báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế do tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng thẩm tra:

a) Công trình cấp I trở lên không phân biệt nguồn vốn thuộc các loại: Nhà chung cư, công trình công cộng, nhà máy xi măng, công trình hạ tầng kỹ thuật;

b) Công trình cấp II, cấp III thuộc các loại: Nhà chung cư, công trình công cộng, nhà máy xi măng, công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đầu tư;

c) Công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đầu tư;

d) Công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Giao thông vận tải thẩm tra:

a) Công trình từ cấp I trở lên không phân biệt nguồn vốn thuộc các loại: Cầu, hầm, đường bộ; công trình đường sắt bao gồm cả đường sắt đô thị, sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người;

b) Công trình cấp II, cấp III thuộc các loại: Cầu, hầm, đường bộ trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư;

c) Công trình đường sắt bao gồm cả đường sắt đô thị, sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp thuộc dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư;

d) Công trình giao thông quan trọng quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra:

a) Công trình từ cấp I trở lên không phân biệt nguồn vốn thuộc các loại: Hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác;

b) Công trình không phân biệt cấp thuộc các loại: Hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác thuộc dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư

c) Công trình thuộc các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn quan trọng quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Công Thương thẩm tra:

a) Công trình cấp I trở lên không phân biệt nguồn vốn thuộc các loại: Đường dây tải điện, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp;

b) Công trình cấp II, cấp III thuộc các loại: Đường dây tải điện, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư;

c) Công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp không phân biệt cấp thuộc dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư;

d) Các công trình công nghiệp quan trọng quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an tổ chức thẩm tra thiết kế đối với các loại công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo quy định tại Khoản 4 Điều 48 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

6. Trường hợp trong một dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiều công trình xây dựng có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình của dự án là cơ quan thực hiện thẩm tra thiết kế đối với loại công trình xây dựng chính của dự án.

7. Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo chuyên ngành quản lý trên địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

a) Sở Xây dựng: Các loại nhà máy xi măng cấp II, cấp III; các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Sở Giao thông vận tải: Các loại công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các loại công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Sở Công Thương: Các loại công trình quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ công trình nhà máy xi măng và các công trình quy định tại Khoản 4 Điều này.

8. Đối với các công trình có quy mô lớn (có nhu cầu chia ra nhiều giai đoạn thiết kế - thi công), có yếu tố công nghệ mới, có yếu tố kỹ thuật phức tạp hoặc khi chủ đầu tư có yêu cầu thì báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thẩm tra từng hạng mục công trình trong quá trình thiết kế.

Điều 6. Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế khi sửa chữa, cải tạo công trình và thay đổi thiết kế xây dựng công trình

1. Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế khi thay đổi thiết kế xây dựng công trình

Thiết kế xây dựng công trình khi điều chỉnh thiết kế do thay đổi về: Địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu chính của kết cấu chịu lực chính, biện pháp tổ chức thi công làm ảnh hưởng tới an toàn chịu lực của công trình thì phải tổ chức thẩm tra, thẩm định và phê duyệt lại thiết kế hạng mục thay đổi hoặc toàn bộ công trình (nếu thay đổi làm ảnh hưởng đến an toàn công trình) theo các quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Đối với các công trình sửa chữa, cải tạo nếu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng và có các nội dung thay đổi nêu tại Khoản 1 của Điều này thì phải thực hiện thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế theo quy định của Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình

Hồ sơ thẩm tra thiết kế bao gồm:

1. Đối với công trình quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư này:

a) Tờ trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư này;

b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình (bản chính hoặc bản sao có dấu của chủ đầu tư); hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt đối với trường hợp thiết kế một bước; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);

c) Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về các nội dung đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 20 Nghị định 15/2013/NĐ-CP; điều kiện năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng; kinh nghiệm của chủ nhiệm thiết kế, khảo sát và các chủ trì thiết kế kèm theo có xác nhận ký và đóng dấu của chủ đầu tư;

d) Các hồ sơ khảo sát xây dựng có liên quan đến các bản vẽ và thuyết minh thiết kế theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu của chủ đầu tư);

đ) Các bản vẽ và thuyết minh thiết kế theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này (bản chính);

e) Dự toán xây dựng công trình (bản chính) đối với công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối với công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này:

Bao gồm các nội dung được quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều này và các hồ sơ liên quan khác theo yêu cầu của tổ chức tư vấn thẩm tra.

3. Phần thuyết minh thiết kế (bản chính):

a) Căn cứ để lập thiết kế:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt hoặc văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, bao gồm cả danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt đối với trường hợp thiết kế một bước.

- Tài liệu về điều kiện tự nhiên, khảo sát xây dựng phục vụ cho thiết kế;

- Hồ sơ đánh giá hiện trạng chất lượng công trình (đối với công trình sửa chữa, cải tạo).

b) Thuyết minh thiết kế xây dựng:

- Giải pháp thiết kế kèm theo các số liệu kết quả tính toán dùng để thiết kế: Biện pháp gia cố hoặc xử lý nền - móng, thiết kế kết cấu chịu lực chính của công trình, an toàn phòng chống cháy nổ và thoát hiểm, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình hạ tầng kỹ thuật, ...;

- Chỉ dẫn kỹ thuật xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II.

4. Phần bản vẽ (bản chính):

a) Mặt bằng hiện trạng và vị trí hướng tuyến công trình trên quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt;

b) Tổng mặt bằng (xác định vị trí xây dựng, diện tích xây dựng, chỉ giới xây dựng, cao độ xây dựng, ...);

c) Thiết kế công trình: Các mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của các hạng mục và toàn bộ công trình; các bản vẽ thiết kế công nghệ, thiết kế biện pháp thi công có liên quan đến thiết kế xây dựng;

d) Gia cố hoặc xử lý nền – móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình hạ tầng kỹ thuật, ...;

đ) Thiết kế chi tiết các liên kết chính, liên kết quan trọng của kết cấu chịu lực chính và các cấu tạo bắt buộc (cấu tạo để an toàn khi sử dụng - vận hành - khai thác, cấu tạo để kháng chấn, cấu tạo để chống ăn mòn, xâm thực);

e) Thiết kế phòng chống cháy nổ, thoát hiểm đã được cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy thẩm duyệt (nếu có).

5. Đối với công trình được quy định tại Khoản 2 Điều 3, chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại Điều 5 Thông tư này để thẩm tra trước khi phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

Điều 8. Thời gian, chi phí và phí thẩm tra thiết kế xây dựng

1. Thời gian thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và

có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định).

b) Thời gian bắt đầu thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được tính từ ngày cơ quan này nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Đối với các công trình cấp đặc biệt, cấp I: Thời gian thẩm tra không quá 40 ngày làm việc.

d) Đối với các công trình còn lại, trừ các công trình đã quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều này: Thời gian thẩm tra không quá 30 ngày làm việc.

đ) Đối với công trình thiết kế một bước và nhà ở riêng lẻ: Thời gian thẩm tra không quá 20 ngày làm việc.

e) Tùy theo khối lượng công việc thẩm tra lại, thời gian thẩm tra lại nội dung đã được quy định tại Khoản 1 Điều 6 do cơ quan chuyên môn về xây dựng quyết định nhưng không được vượt quá thời gian quy định tại Khoản này.

2. Phí thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Mức phí thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Chủ đầu tư nộp phí thẩm tra thiết kế cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi nhận kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.

3. Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng:

Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra các nội dung được quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này thì chủ đầu tư căn cứ khối lượng thẩm tra để thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Xây dựng.

4. Phí thẩm tra và chi phí thẩm tra được tính trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình.

Việc quản lý, sử dụng phí, chi phí thẩm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Xử lý chuyển tiếp

1. Các công trình thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 của Thông tư này đã được ký hợp đồng và tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng trước ngày 15 tháng 4 năm 2013 thì chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, bổ sung các nội dung cần được thẩm tra đã quy định tại Thông tư này để tiếp tục tổ chức thẩm tra.

Trước khi phê duyệt thiết kế, chủ đầu tư gửi kết quả thẩm tra về cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp đã được quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Đối với công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trong 7 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm tra để chủ đầu tư có cơ sở thực hiện trước khi phê duyệt thiết kế.

2. Các công trình được quy định tại Điều 5 của Thông tư này đã được phê duyệt thiết kế kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 cho đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra và quyết định phê duyệt thiết kế (bằng đường bưu điện hoặc trực tiếp) đến cơ quan chuyên

môn về xây dựng theo phân cấp quy định tại Điều 5 của Thông tư này để quản lý.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ các quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và hướng dẫn của Thông tư này, Bộ Xây dựng và các Bộ có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy trình thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng cho phù hợp với đặc điểm tình hình của Bộ, địa phương. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm niêm yết công khai quy trình thẩm tra thiết kế trên trang thông tin điện tử và tại nơi tiếp nhận hồ sơ của cơ quan.

2. Các Bộ có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối ở địa phương phải tổng hợp kết quả công tác thẩm tra thiết kế để bổ sung trong biểu thống kê hàng năm, bao gồm: Số lượng công trình đã thẩm tra, số công trình phải sửa đổi thiết kế, số kinh phí chiết giảm được sau thẩm tra.

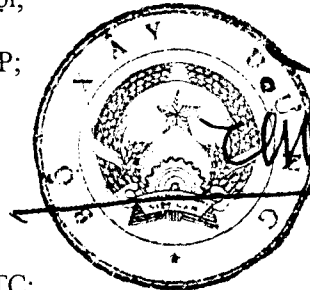
3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 9 năm 2013.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để tiếp thu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án NDTC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Sở Xây dựng các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo, Website của CP, Website của Bộ XD;
- Lưu: VT, PC, HĐXD.

BỘ TRƯỞNG



Trịnh Đình Dũng

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông tư số: 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Tên địa phương, ngày..... tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình

Kính gửi: (Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng)

- Căn cứ Điều 20, Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số /2013/TT-BXD ngày...tháng...năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng) thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (TKKT/TKBVTC)....

I. Thông tin chung công trình:

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Các thông tin khác có liên quan:

II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. **Văn bản pháp lý** (bản chính hoặc bản sao dấu của chủ đầu tư):
 - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình;
 - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, dự toán:

Theo Điều 7 của Thông tư.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về điều kiện năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng, trong đó kê khai một số công trình chính

đã thực hiện của nhà thầu; kinh nghiệm của chủ nhiệm thiết kế, khảo sát và các chủ trì thiết kế kèm theo có xác nhận ký và đóng dấu của chủ đầu tư;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế;

(*Tên chủ đầu tư*) trình (*Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng*) thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(*Ký tên, đóng dấu*)

Tên người đại diện

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số: 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRỰC
TIẾP THẨM TRA THIẾT KẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số :

Tên địa phương, ngày..... tháng..... năm.....

KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ **Công trình.....**

Kính gửi:

(Cơ quan, tổ chức trực tiếp thẩm tra thiết kế) đã nhận văn bản số
ngày.....của.....trình thẩm tra thiết kế (TKKT/TKBVTC) xây dựng công trình
.....thuộc dự án đầu tư.....(kèm theo hồ sơ thiết kế).

Căn cứ Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của
Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số ../2013/TT-BXD, ngày .././2013 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công
trình;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra thiết kế (TKKT/TKBVTC) của tổ chức tư vấn, cá
nhân do Cơ quan quản lý nhà nước chỉ định (nếu có).

Các căn cứ khác có liên quan.....

Sau khi xem xét, (Cơ quan, tổ chức trực tiếp thẩm tra thiết kế) thông báo
kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công trình như sau:

1. Thông tin chung về công trình:

- Tên công trình.....Loại, cấp công trình.....
- Thuộc dự án đầu tư:.....
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng công trình:
- Nguồn vốn:.....
- Địa điểm xây dựng:.....
- Diện tích chiếm đất:.....

- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình:.....
- Nhà thầu khảo sát xây dựng:.....
- Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:
- Tóm tắt các giải pháp thiết kế chủ yếu về: kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ.

2. Nội dung hồ sơ thiết kế trình thẩm tra:

Ghi tóm tắt và có ý kiến đánh giá về hồ sơ thiết kế được gửi kèm theo Tờ trình thẩm tra thiết kế của Chủ đầu tư.

3. Kết quả thẩm tra thiết kế:

Ghi ý kiến nhận xét, đánh giá:

a) Về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế so với yêu cầu của Hợp đồng và quy định của pháp luật;

b) Về sự phù hợp của thiết kế với Quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng cho công trình;

c) Về sự phù hợp của thiết kế so với thiết kế cơ sở hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt (đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước);

d) Mức độ đảm bảo an toàn chịu lực của các kết cấu chịu lực của công trình và các yêu cầu về an toàn khác;

đ) Về sự hợp lý của thiết kế đảm bảo tiết kiệm chi phí trong xây dựng công trình (đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước).

4. Kết luận:

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để xem xét trình phê duyệt thiết kế.
- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có).
- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện dự toán (nếu có).
- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thiết kế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người quyết định đầu tư (để biết, chỉ đạo);
- Cơ quan cấp phép xây dựng công trình;
- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có);
- Lưu.

CƠ QUAN, TỔ CHỨC THẨM TRA THIẾT KẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

*(Kèm theo Thông tư số: 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**MẪU DẤU XÁC NHẬN THẨM TRA THIẾT KẾ
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN THẨM TRA**

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN THẨM TRA
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA Theo văn bản thẩm tra số / ngày tháng năm
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên.)

Ghi chú: Trong dấu phải nêu đủ nội dung quy định. Kích thước dấu tùy thuộc vào kích cỡ chữ

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số: 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

MẪU DẤU PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

<p>TÊN CHỦ ĐẦU TƯ HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ</p>
<p>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT</p> <p>..... ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.</p>

Ghi chú: Trong dấu phải nêu đủ nội dung quy định. Kích thước dấu tùy thuộc vào kích cỡ chữ.

PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Thông tư số: 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số :.....
V/v ý kiến về kết quả thẩm tra *Tên địa phương*, ngày..... tháng..... năm.....
thiết kế công trình.....

Kính gửi:

(*Cơ quan chuyên môn về xây dựng*) đã nhận văn bản số ...
ngày.....của.....xin ý kiến về kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công
trìnhthuộc dự án đầu tư.....

Căn cứ Báo cáo thẩm tra thiết kế của tổ chức tư vấn, cá nhân do Chủ đầu
tư thuê.

Các căn cứ khác có liên quan.....(nếu có).

(*Cơ quan chuyên môn về xây dựng*) có ý kiến về kết quả thẩm tra thiết
kế xây dựng công trình như sau:

1. Thông tin chung về công trình:

- Tên công trình.....Loại, cấp công trình.....
- Thuộc dự án đầu tư:.....
- Chủ đầu tư:
- Nguồn vốn:.....
- Địa điểm xây dựng:.....

2. Về năng lực của cá nhân thẩm tra thiết kế:

Ghi tóm tắt và có ý kiến đánh giá về năng lực của cá nhân thực hiện
thẩm tra thiết kế.

3. Về Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế:

Ghi ý kiến nhận xét:

a) Về sự đầy đủ các nội dung thẩm tra (theo quy định tại Khoản 4 Điều
21 Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ
về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Thông tư số 13/2013/TT-BXD,
ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và
phê duyệt thiết kế xây dựng công trình);

b) Những nội dung cần bổ sung làm rõ trong Báo cáo (nếu có).

4. Kết luận:

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để chủ đầu tư triển khai thực hiện bước tiếp theo.
- Yêu cầu bổ sung và hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).
- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có).
- Yêu cầu đối với chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thiết kế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người quyết định đầu tư (để biết, chỉ đạo);
- Cơ quan cấp phép xây dựng công trình;
- Lưu.

CƠ QUAN
CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)